TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 5 **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M

Số: 1164/2026/QĐST-HNGĐ *Tp ., ngày 21 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 961/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2026 về việc "*Ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Minh T
Sinh ngày: 26/05/1965; số CCCD: 067165000022 cấp ngày 19/05/2025
Địa chỉ: C Lô C chung cư A N, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Hoàng Đức T1
Sinh ngày: 18/09/1968; số CCCD: 079068027269 cấp ngày 22/11/2021
Địa chỉ: B2.06 B P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 *(Bảy)* ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Minh T và ông Hoàng Đức T1 *(Giấy chứng nhận kết hôn số 019 ngày 21/02/2000 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, nay Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp luật).*

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Minh T và ông Hoàng Đức T1 thuận tình ly hôn

- Về con chung: Có 02 con chung.

1. Chị Hoàng Trần Thủy T2, sinh ngày 21/2/1991 trưởng thành;

2. Anh Hoàng Trần Minh T3, sinh ngày 28/11/1997 trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Minh T và ông Hoàng Đức T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

3. Về án phí: Theo quy định bà Trần Thị Minh T4 phải chịu tiền án phí giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình, tuy nhiên tại thời điểm bà Trần Thị Minh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được quyền thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp. HCM;
- VKSND Khu vực 5, Tp. HCM;
- Thi hành án Dân sự Tp. HCM;
- UBND phường Bình Quới, Tp.HCM;
- Bà Tâm, ông Trọng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Cao Cường